TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG** Bản án số: **94**/2021/HS-ST Ngày 05/8/2021	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thảo
2. Bà Lý Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2021/TLST-HS, ngày 23/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HS, ngày 12/7/2021; đối với các bị cáo:

1. Ma Đình T, sinh ngày 10/3/1996;

Nơi cư trú: Thôn Bản Tha, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Ma Đình Đ, sinh năm 1974 và bà Ma Thị N, sinh năm 1975; Anh, chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có;

* Tiền án, tiền sự: Không;

* Nhân thân: Ngày 11/7/2018, Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.000.000 đồng.

* Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Nguyễn D P, sinh ngày 30/7/1989;

Nơi cư trú: Xóm 23, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1965; Anh, chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1990; Con: Có 01 con, sinh năm 2019;

* Tiền án, tiền sự: Không.

* Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

- Anh **Trần Văn C**, sinh ngày 20/7/1989; Địa chỉ: Tổ dân phố Hạ Đoan 2, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Anh **Lê Như C**, sinh ngày 16/10/1990; Địa chỉ: Số 8/24, tổ dân phố Lực Hành, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt;

- Anh **Hoàng A**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt;

- Anh **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 21/9/1990; Địa chỉ: Xóm Thọ An, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Vắng mặt

** Người làm chứng:*

- Chị **Mai Thuỳ L**, sinh ngày 28/7/1998; Địa chỉ: Xóm 5, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Vắng mặt.

- Anh **Lê Trung H**, sinh ngày 19/8/1998; Địa chỉ: Xóm 5, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Có mặt.

- Anh Nguyễn Trung K, sinh ngày 18/4/1995; Địa chỉ: Thôn Cả, xã Tân Trào, huyện D, tỉnh Tuyên Quang; Vắng mặt.

- Anh **Lương Đoàn Đ**, sinh ngày 13/9/1997; Địa chỉ: Tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn S, huyện D, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh **Huỳnh T**, sinh ngày 02/9/1994; Địa chỉ: Thôn Hội 1, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hoà; Vắng mặt.

- Anh **Hoàng Ngọc T**, sinh ngày 07/4/1997; Địa chỉ: Thôn Bản Dần, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Có đơn xin vắng mặt.

- Anh **Đỗ D C**, sinh ngày 10/02/1995; Địa chỉ: Số nhà 03, Lô B59, tổ 6, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 02/01/1991; Địa chỉ: Số 30/373, đường Ngô Gia Tự, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

** Những người tham gia tố tụng khác:*

Người bào chữa cho bị cáo Ma Đình T: Ông **Hoàng Văn V** - Trợ giúp viên pháp lý; Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ: Số 6, đường Chiến Thắng Sông Lô, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 31/10/2020, Ma Đình T, cư trú tại thôn Bản Tha, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang cùng Nguyễn D P, cư trú tại xóm 23, xã K, thành phố T; Lương Đoàn Đ, cư trú tại Tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn S, huyện D, tỉnh Tuyên Quang; Hoàng Ngọc T, cư trú tại thôn Bản Dần, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Nguyễn Trung K, cư trú tại thôn Cả, xã Tân Trào, huyện D, tỉnh Tuyên Quang; Nguyễn Văn S, cư trú tại xóm Thọ An, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

đến nhà Phạm Văn D, cư trú tại xóm 8, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang để đón tiếp bạn của D là Lê Như C, cư trú tại phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; Đỗ D C, cư trú tại tổ 6, phường Thanh Tô, quận H, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Thanh T, cư trú tại đường Ngô Gia Tự, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng đến chơi, lúc này có cả Huỳnh T, cư trú tại thôn Quảng Hồi 1, xã Dạng Thắng, huyện Dạng Ninh, tỉnh Khánh Hòa (là bạn của D đang ở nhà D). Khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm uống rượu xong, mọi người rủ nhau đi hát Karaoke thì Lê Như C nói với T "Hôm nay đi hát hết bao nhiêu anh bao hết". Lúc này T nảy sinh ý định mua ma túy về để chiêu đãi mọi người cùng sử dụng khi hát Karaoke nên T rủ P mua 01 chỉ Ketamine và 10 viên ma túy tổng hợp để tiếp bạn của D. P đồng ý rồi gọi điện thoại cho một người đàn ông theo P khai nhận tên là Vũ ở thôn Đất Đỏ, xã Vĩnh Lợi, huyện D. Sau đó T, P, Đ, Thắng, Kiên, Sơn, Tuy, Tùng, Lê Như C và Đỗ D C đi xe ô tô của Lê Như C và thuê thêm xe taxi đến quán Karaoke Diamond thuộc Tổ dân phố 1, phường T, thành phố T do Hoàng A, cư trú tại Tổ dân phố 6, phường N, thành phố T là người quản lý để hát (Phạm Văn D không đi hát cùng). P thuê phòng VIP6 tầng 3 của quán để mọi người cùng vào hát. Lúc này T hỏi P mua ma túy hết bao nhiêu tiền thì P nói với T hết 8.000.000đ, T đi ra chỗ Lê Như C bảo đưa cho T 8.000.000đ, T không nói cho Lê Như C biết việc lấy tiền để mua ma túy, T cầm tiền đến chỗ P đang đứng gần quầy lễ tân của quán đưa cho P. P tiếp tục gọi điện cho người đàn ông tên Vũ nhờ mua ma túy nhưng không được. Lúc này khoảng 23 giờ cùng ngày, P cầm tiền đi bộ ra khu vực Bến xe khách thành phố T gần quán hát, tìm mua ma túy về sử dụng. Tại khu vực Bến xe khách thành phố T; P gặp và hỏi mua được 01 gói nilon màu trắng bên trong có 10 viên nén ma túy màu xám và 01 gói nilon màu trắng chứa tinh thể màu trắng gọi là "Ke" với số tiền 7.100.000đ của 01 người đàn ông không xác định được tên tuổi, địa chỉ. P cầm 02 gói ma túy đi bộ lên phòng VIP6 của quán Karaoke Diamond để hát và sử dụng ma túy, khi vào phòng hát P để 02 gói ma túy vừa mua được lên bàn. T mở gói nilon lấy ra 01 viên nén MDMA bẻ làm đôi chia cho P và T mỗi người 01 nửa để sử dụng bằng hình thức uống vào cơ thể, rồi bẻ 01 viên nén MDMA khác làm đôi chia cho Sơn và Tuy mỗi người 01 nửa, một lúc sau Lê Trung H, cư trú tại xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và Mai Thùy Linh, cư trú tại thôn Phú Sơn, xã Tuân Lộ, huyện D, tỉnh Tuyên Quang đến, T tiếp tục bẻ 01 viên nén MDMA làm đôi chia cho Linh và Thắng mỗi người sử dụng 01 nửa; đưa cho Hiếu 01 nửa viên nén MDMA; Lê Như C, Đ, Kiên và Đỗ D C mỗi người tự lấy 01 viên nén MDMA sử dụng. Tùng lấy 01 gói Ketamine đổ ra đĩa sứ có sẵn trên bàn, lấy 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn C (là khách hàng nhờ Lê Như C làm thủ tục đăng ký kinh doanh) do Lê Như C đưa cho Tùng để trộn đều Ketamine và chia thành nhiều đường kẻ rồi lấy tờ tiền Polime mệnh giá 10.000đ quấn lại thành ống hút để Tùng, Tuy, Linh, Lê Như C và Đỗ D C thay nhau sử dụng bằng hình thức hít vào cơ thể. Sau khi sử dụng ma túy T, P, Tùng, Kiên, Thắng, Đ, Tuy, Sơn, Hiếu, Linh, Lê Như C và Đỗ D C đang hát thì bị Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Tuyên Quang, kiểm tra và lập biên bản hồi 02 giờ 20 phút ngày 01/11/2020, thu giữ 01 đĩa sứ màu trắng trên mặt đĩa có bám dính chất bột tinh thể màu trắng, 01 gói nilon màu trắng bên trong có 02 viên nén màu xám trên nền phòng hát, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn C và điện thoại di động của các đối tượng.

Kết luận giám định số 837/GĐKTHS ngày 05/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Số chất bột màu trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu M1 (thu giữ trên đĩa tại phòng VIP6) gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,277g (Không phẩy hai bảy bảy gam).

- Số viên nén màu xám trong bì niêm phong ký hiệu M2 (thu giữ tại phòng VIP6) gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,813g (Không phẩy tám một ba gam).

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với T, P, Tuy, Thắng, Kiên, Tùng, Sơn, Đ, Hiếu, Linh, Lê Như C và Đỗ D C kết quả đều (+) dương tính, có chất ma túy trong cơ thể.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 phong bì niêm phong trên các mép dán có chữ ký của Ma Đình T, Nguyễn D Phường và các thành phần tham gia niêm phong cùng 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có 0,227 gam Ketamine và 0,661 gam MDMA (số còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định); 01 đĩa sứ màu trắng là vật chứng của vụ án. Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max vỏ màu vàng của Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max vỏ màu vàng của Linh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus vỏ màu vàng của Tuy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S vỏ màu hồng của Thắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng bạc của Kiên; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max vỏ màu đen của Hiếu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax vỏ màu trắng của Tùng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax vỏ màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh của Đỗ D C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max vỏ màu đen của Lê Như C (các điện thoại đều đã qua sử dụng), ngày 07/11/2020 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang đã trả lại điện thoại cho Đ, Linh, Tuy, Thắng, Kiên, Hiếu, Tùng, Đỗ D C và Lê Như C, là chủ sở hữu hợp pháp. Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus vỏ màu đen và 1.850.000đ của P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S vỏ màu trắng bạc của T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen của Sơn và 01 thẻ căn cước công dân tên Trần Văn C.

Tại Cơ quan điều tra, Ma Đình T và Nguyễn D P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng: Biên bản kiểm tra, vật chứng thu giữ; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường); kết luận giám định); lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 84/CT-VKSTP ngày 22/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân nhân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố: Bị cáo Ma Đình T và bị cáo Nguyễn D P về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo điểm b, khoản 2, Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo Ma Đình T và Nguyễn D P;

Tuyên bố bị cáo Ma Đình T và bị cáo Nguyễn D P về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy;

Xử phạt: Bị cáo Ma Đình T từ 07 (bẩy) năm 10 (mười) tháng tù đến 08 (tám) năm 04 (bốn tháng) tù; Bị cáo Nguyễn D P từ 07 (bẩy) năm 09 (chín) tháng tù đến 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo; buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau khi lấy mẫu giám định (là tang vật của vụ án);

+ Trả cho anh Hoàng A (chủ quán Karaoke Diamond) 01 đĩa sứ tròn, màu trắng, đường kính 26 cm;

+ Trả cho anh Trần Văn C 01 Căn cước công dân;

+ Số tiền 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) mà Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn D P. Đề nghị HĐXX trả cho bị cáo Nguyễn D P 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng), trả cho anh Lê Như C 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng);

+ Trả cho bị cáo Ma Đình T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S vỏ màu trắng bạc, có lắp sim;

+ Trả cho bị cáo Nguyễn D P với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus màu đen có lắp sim;

+ Trả cho anh Nguyễn Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen có lắp sim.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/7/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T).

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Ma Đình T là ông Hoàng Văn V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung Tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Tuyên Quang vắng mặt, tuy nhiên bị cáo Ma Đình T từ chối yêu cầu người bào chữa, đề nghị xét xử vắng mặt người bào chữa của bị cáo; Bị cáo Ma Đình T và bị cáo Nguyễn D P không kêu oan, nội dung khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới, các bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận điều tra, Kết luận giám định số 837/GĐKTHS ngày 05/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, nhất trí với nội dung cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo nói lời sau cùng, rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của

Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp Biên bản kiểm tra, vật chứng thu giữ; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường); kết luận giám định); lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 31/10/2020, Ma Đình T, cư trú tại thôn Bản Tha, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang và Nguyễn D P, cư trú tại thôn 23, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi mua chất ma túy loại MDMA và Ketamine tổ chức cho Lê Như C; Huỳnh T; Hoàng Ngọc T; Nguyễn Trung K; Nguyễn Thanh T; Nguyễn Văn S; Lương Đoàn Đ; Lê Trung H; Mai Thùy Linh; Đỗ D C và bản thân Ma Đình T; Nguyễn D P cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng VIP6 quán Karaoke Diamond thuộc Tổ dân phố 1, phường T, thành phố T

Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy trước được tác hại, hậu quả của hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vẫn thực hiện với mục đích đưa ma túy vào cơ thể của người khác, T là người chủ chủ mưu, cầm đầu, chủ động rủ P mua ma túy về để tiếp bạn của Phạm Văn D và lấy tiền của Lê D Cường đưa cho P sử dụng mua ma túy, P là người mua ma túy, thuê địa điểm để sử dụng ma túy,

Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo về tội Tổ chức sử dụng trái phép chấp ma túy theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 255 Bộ luật hình sự và là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Các bị cáo cùng thực hiện một hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo T và bị cáo P có tính liên kết, cùng hướng về một hành vi phạm tội là tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tạo điều kiện hỗ trợ cho nhau để thực hiện một tội phạm, với vai trò là người chủ mưu, cầm đầu nên hành vi của bị cáo T là tiền đề cho hành vi phạm tội của bị cáo P và ngược lại hành vi của bị cáo P là việc giúp sức tích cực, giữ vai trò quan trọng để tội phạm hoàn thành. Bị cáo T và bị cáo P là đồng phạm trong vụ án này, cố ý thực hiện hành vi phạm tội dù biết rõ tác hại và hậu quả của việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vẫn thực hiện.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về việc quản lý và sử dụng ma túy mà còn có thể gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, kinh tế của bản thân, người khác và trật tự an toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: HĐXX nhận thấy, các bị cáo đều có nhận thức, hiểu biết pháp luật, biết rõ tác hại của ma túy và hậu quả của hành vi tổ chức sử dụng

trái phép chất ma túy nhưng vẫn thực hiện, qua đó đánh giá ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo là rất kém. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, khó có thể tự mình tu dưỡng cải tạo tại địa P. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án bị cáo Ma Đình T là người khởi xướng, cầm đầu và chủ mưu, bị cáo Nguyễn D P là đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực, trong vụ án bị cáo Ma Đình T giữ vai trò quan trọng hơn khi thực hiện tội phạm so với bị cáo Nguyễn D P nên khi xem xét quyết định hình phạt HĐXX xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm và vai trò của các bị cáo trong quá trình phạm tội để quyết định hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, xét thấy bị cáo P có nhân thân tốt, bị cáo T tuy đã bị xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo đã nộp phạt, thời gian vi phạm từ năm 2018 nên HĐXX không đánh giá về nhân thân của bị cáo T trong vụ án này. Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên; không có tài sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.

[6] Về vật chứng: Đối với các vật chứng là tài sản của người làm chứng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Cơ quan điều tra xử lý trong giai đoạn điều tra, HĐXX không xem xét. Đối với các tang vật của vụ án chưa được xử lý trong giai đoạn điều tra gồm:

- 0,227 gam Ketamine và 0,661 gam MDMA, xét thấy ma túy là chất nhà nước cấm tàng trữ nên tịch thu tiêu hủy;

- 01đĩa sứ tròn, màu trắng, đường kính 26 cm của quán Karaoke Diamond, xét thấy chủ quán là anh Hoàng A không biết việc các bị cáo dùng đĩa để làm công cụ phạm tội nên tuyên trả cho anh Hoàng A;

- 01 Căn cước công dân của anh Trần Văn C, các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, tuy nhiên xét thấy đây là giấy tờ nhân thân của anh Trần Văn C nên tuyên trả cho anh Trần Văn C;

+ Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus màu đen có lắp sim của bị cáo Nguyễn D P và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng bạc có lắp sim của bị cáo Ma Đình T, và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen có lắp sim của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn S. Xét thấy các bị cáo và anh Nguyễn Văn S sử dụng với mục đích chính làm P tiện liên lạc hàng ngày, không phải là công cụ phạm tội do vậy tuyên trả cho các bị cáo và anh Nguyễn Văn S.

+ Đối với số tiền 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) mà Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn D P, trong đó có 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng) là của bị cáo Nguyễn D P lao động mà có, bị cáo Nguyễn D P không sử dụng vào mục đích mua ma túy nên tuyên trả cho bị cáo Nguyễn D P; Số tiền còn lại là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) là tiền thừa sau khi bị cáo Nguyễn

D P mua ma túy từ số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) mà bị cáo Ma Đình T lấy của anh Lê Như C đưa cho bị cáo Nguyễn D P, xét thấy khoản tiền 8.000.000 đ (tám triệu đồng) là tiền của anh Lê Như C, khi đưa tiền cho bị cáo T, anh Cường không biết mục đích sử dụng là để mua ma túy. Do vậy tuyên trả cho anh Lê Như C 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng).

[7] Về án phí: Các bị cáo Ma Đình T, Nguyễn D P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Ma Đình T và bị cáo Nguyễn D P phạm tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy";

Xử phạt bị cáo Ma Đình T 08 (tám) năm 03 tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 01/11/2020;

Xử phạt bị cáo Nguyễn D P 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 01/11/2020.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 0,227 gam Ketamine và 0,661 gam MDMA (là tang vật của vụ án);
- Trả cho bị cáo Nguyễn D P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, có lắp sim;
- Trả cho bị cáo Ma Đình T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu trắng bạc, có lắp sim;
- Trả cho anh Nguyễn Văn S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen, có lắp sim;
- Trả cho anh Hoàng A là chủ quán Karaoke Diamond: 01 đĩa sứ tròn, màu trắng, đường kính 26 cm;
- Trả cho anh Trần Văn C 01 Căn cước công dân;
- Đối với số tiền 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) mà Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn D P: Trả cho anh Lê Như C 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng); Trả cho bị cáo Nguyễn D P 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng). Khoản tiền này đã được Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang chuyển đến Tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T ngày 27/4/2021 theo Ủy nhiệm chi số 210427-1006751-2461002 lập ngày 27/4/2021.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/7/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Các bị cáo Ma Đình T và Nguyễn D P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Ma Đình T, Nguyễn D P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/8/2021; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn C, Lê Như C, Hoàng A, anh Nguyễn Văn S, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo; Người có QLVNVLQ;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Công an tp Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- UBND xã Xuân Vân;
- UBND xã K;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
Lê Thị Thảo – Lý Thị Nhân	**Vương Thị Lan**